

QUAN NIỆM “QUÂN TỬ” TRONG “LUẬN NGŨ”

Ths. Nguyễn Lý Uy Hân *

“Luận ngữ” đề cập nhiều khía cạnh trong đời sống Trung Hoa thời cổ đại như chính trị, tư tưởng, đạo đức, xã hội, văn hóa... và sau đó những giá trị này, đặc biệt hình mẫu “Quân tử” được các triều đình phong kiến sử dụng, được nhân gian lưu truyền để giáo dục lý tưởng nhân cách cho con người, để mọi người phấn đấu đạt tới.

1. Quan niệm “Quân tử” trước Luận ngữ

Thuật ngữ “Quân tử” - “君子” - “jūnzǐ” đã từng được viết trong Chu Dịch, Kinh Thư... đến thời nhà Chu - xã hội đã dần có sự phân chia giai cấp, thì thứ bậc con người càng được chú trọng - “Quân tử” càng được dùng để chuyên chỉ tầng lớp nam giới quý tộc, giới thống trị, kẻ cầm quyền. Sang đến thời kỳ Xuân Thu thì được dùng để chỉ thêm các đại phu, tức cũng chỉ địa vị của con người, chứ không bao hàm ý nghĩa đạo đức, phẩm hạnh của người đó. Từ “君” - “jūn” là chữ hội ý do chữ “尹” - “yǐn” ghép cùng chữ “口” - “kǒu”. Theo Giáp cốt văn “尹” gồm nét sỏ bên trái biểu trưng cho cây bút và chữ “又” (手) - “yòu” bên phải, liên quan các hoạt động tay phải “右手” - “yòushǒu”, được hiểu như tay cầm viết lo liệu, xử lý công việc. Thêm vào chữ “口” - “kǒu” diễn đạt lời nói, phát ra mệnh lệnh. Vậy “君”¹ ý nghĩa là tay cầm viết, miệng phát ra mệnh lệnh lo liệu việc nước nhà, tức chỉ kẻ cầm quyền, thống trị, chỉ chung cho Vua, Khanh tướng, Đại phu. “子” - “zǐ” là lối xưng hô kính trọng dành cho nam giới. Vậy thì dân bình thường ở mặt đối lập lại gọi là tiểu nhân “小人”, vậy tiểu nhân lúc bấy giờ cũng chỉ là hạng người bình thường, lương thiện trong xã hội. Đến cuối thời Tây Chu các giá trị xã hội về luân lý, đạo lý,

phẩm cách... của giới cầm quyền, quý tộc đều rơi vào trạng thái suy vi đồi bại, khiến giữa “danh” và “thực” của “Quân tử” bị đảo lộn. Hơn thế chế độ truyền thừa theo huyết thống, tông tộc dần định hình và phát triển... đã khiến cho nhận thức khái niệm “Quân tử” ít nhiều thay đổi ý nghĩa, nói theo Giáo sư Dư Anh Thời trong “Quân tử đặc lý tưởng”: “Lý tưởng quân tử là từ chuyên dùng để chỉ địa vị giới cầm quyền dần chuyển ý sang mang nội hàm về đạo đức, phẩm hạnh của con người có lịch sử lâu dài, nó diễn ra từ trước Khổng tử nhưng lại được định hình cho chuẩn mực mới, mẫu người khác hơn thì chính Khổng Tử đã hoàn tất nó”.

2. Đôi nét “Luận ngữ” và quan niệm “Quân tử”

“Luận ngữ” được xếp trong “Tứ Thư” bao gồm Luận ngữ, Đại học, Mạnh tử và Trung dung. “Luận ngữ” được viết từ thời Xuân Thu ghi lại những tư tưởng và lời dạy của Khổng tử² đối với học trò, được các đệ tử của ông như Tử Trương, Nguyên Hiên... tập hợp và



¹ Theo Kangxi zidian

² Khổng tử (551 – 479 TCN) người nước Lỗ thời Xuân Thu, nay thu ộc tỉnh Sơn Đông. Là nhà tư tưởng, giáo dục, chính trị vĩ đại của Trung Quốc cổ đại, được xưng tụng là “Vạn thế sư biểu”.

ghi chép lại. Tuy vậy vẫn có quan điểm cho rằng chưa rõ ai là người ghi chép lại những lời đối thoại, quan điểm, giáo huấn này [N.I Konrad: 398]. Người xưa nói: “*Một nửa bộ “Luận ngữ” trị được thiên hạ*” [Dương Lực 2002: 61] - Là kinh điển vô cùng quan trọng của nền Nho học Trung Hoa. Sở dĩ nó có sức sống trường tồn và mãnh liệt suốt lịch sử phong kiến Trung Quốc vì đây là bộ sách thể hiện nhiều khía cạnh cuộc sống như chính trị, tư tưởng, đạo đức, xã hội, văn hóa... trong đó đặc biệt nhấn mạnh việc tạo ra hình mẫu con người lý tưởng để thực hiện an định xã hội. Hình mẫu này mang trọn vẹn những đức tính cao cả, tốt đẹp mà xã hội phong kiến Trung Hoa cần nó. Đến thời nhà Tống “Luận ngữ” trở thành một chủ đề trong thi cử của triều đình, sang tới đời Hán thì tồn tại ba bản “Luận ngữ”: *Lỗ Luận Ngữ* gồm 20 thiên, *Tề Luận Ngữ* gồm 22 thiên và *Cổ văn Luận ngữ* gồm 21 thiên. Ngày nay quyển Luận ngữ đang sử dụng là Lỗ Luận Ngữ. Mỗi thiên đều lấy chữ đầu mà đặt tên, bao gồm: 学而- Học Nhi, 为政-Vi Chính, 八佾-Bát Dật, 里仁-Lí Nhân, 公冶长-Công Dã Tráng, 雍也-Ung Dã, 述而-Thuật Nhi, 泰伯-Thái Bá, 子罕-Tử hãn, 乡党-Hương Đảng, 先进-Tiên Tiên, 颜渊-Nhan Uyên, 子路-Tử Lộ, 宪问-Hiến Vấn, 卫灵公-Vệ Linh Công, 季氏-Quý Thi, 阳货-Dương Hoá, 微子-Vi Tử, 张-Tử Trương, 尧曰-Nghiêu Viêt.

“Quân tử” xuất hiện 107 lần trong quyển “Luận ngữ” gồm hơn một vạn hai ngàn chữ. Dưới cách lý giải của Nho giáo -thuyết chính trị nhằm tổ chức, quản lý xã hội dựa trên chữ “Nhân đức” của người cầm quyền – thì khác so với ý nghĩa nguyên thủy của nó. Khổng tử chú trọng chữ “Nhân”,

dùng Nhân trị để trị vì thiên hạ, từ đó chủ thuyết rất trọng Lễ, Nghĩa và cái Đức của người cầm quyền. Vì vậy lý giải của Khổng tử về quân tử không đơn thuần theo nghĩa chỉ giới cầm quyền hay thống trị, mà song song đó “Quân tử” là từ ngữ thể hiện tiêu chuẩn nhân cách, lý tưởng của con người mà Khổng Tử muốn xây dựng nên. Vì thế nếu kẻ thống trị nhưng bất nhân, vô đạo thì Ông vẫn liệt vào hạng tiểu nhân – dạng người mang nhiều thói hư tật xấu, không thể tin dùng được -ngược lại là hạng người bình thường, Ông không xét địa vị xuất thân, ngành nghề xã hội, nhưng chú tâm tu thân học hỏi, đem tài sức ra phụng sự xã hội đều được Ông xếp vào hàng “Quân tử”. Tư tưởng này rất tiến bộ so với đương thời là trọng dụng người tài vì xã hội thay cho kiểu tuyển cử theo quan hệ huyết thống, tông pháp. Trong xã hội phong kiến “tứ dân”: Sĩ, Nông, Công, Thương, thì “Nông”, “Công” và “Thương” hàm chỉ nghề nghiệp, ít nhiều đề cập thân phận nghèo giàu, đời sống vật chất cá nhân trong xã hội, chỉ duy nhất “Sĩ” chỉ luôn nói chí khí, ý nguyện, không cùng mưu giành đoạt tư lợi, mà là bao hàm ý tưởng thực hiện an bang định quốc, thực hiện cốt lõi tinh thần của đạo Nho: “修身, 齐家, 治国, 平天下” -Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

3. Hai nét đặc điểm của “Quân tử”

Để có thể “Bình thiên hạ” - “Luận ngữ” giảng giải “Quân tử” hội đủ đức tính: Hiếu đễ, đạo đức, hiếu học, lễ nghĩa, nhân ái, trung tín... tựu chung ở hai khía cạnh “tu thân và hành đạo” [Trần Ngọc Thêm 2004: 479 - 480].

3.1 Tu thân

Theo quan niệm Nho gia, cái đạo của

Quân tử chữ “tu thân”-là hiểu được nhân đạo và thiên đạo, không chứng xử thuận theo luân thường đạo lý trong xã hội mà còn phải hợp với lẽ tự nhiên, hiểu mệnh trời và định mệnh con người “不知命，无以为君子 -Bất tri mạng, vô dĩ vi quân tử” [Nghiêu viết 3]. Khổng tử coi trọng đạo người hơn đạo trời. Đạo người ở đây là mối quan hệ con người -xã hội. Đó là xã hội của năm mối quan hệ “ngũ luân”: Quân thân; phu tử; phu phụ; huynh đệ và bằng hữu. Người quân tử cần thấu hiểu đạo lý, thực hành theo với thái độ dung hoà, gọi là “Trung dung” là đức tốt đến cực điểm, nhưng ít người đạt đến được “.....中庸之为德也，其至矣乎！民鲜久矣 Trung dung chi vi đức dã, kỳ chí hĩ hô! Dân tiên cửu hĩ” [Ung dã 27].

3.1.1 “Hiếu đễ”

“Tu thân” -Nho học nhấn mạnh chữ “hiếu”, xem đó là tiêu chuẩn hàng đầu và xuyên suốt của con người, từ vua quan, kẻ sĩ đến thứ dân. Theo Khổng tử dạy, nghĩa hẹp nó chỉ lòng hiếu thảo của con cái với cha mẹ mình, mở rộng ra đó là lòng trung hiếu. “Hiếu đạo” đối với cha mẹ là gốc rễ của con người, rèn luyện thành quân tử thì càng không thể thiếu yếu tố tiên quyết này. Giữ được cái gốc của con người thì đạo lý sẽ theo đó mà sinh ra: “君子务本，本立而道生 Quân tử vụ bản, bản lập nhi đạo sinh” [Học nhi 2]. “Đễ” là đạo huynh đệ, mỗi người sống và làm đúng danh phận của mình, anh ra anh, em ra em. Thuật ngữ “hiếu đễ” tuy đã được lưu truyền từ trước Khổng tử, nhưng Ông là người làm sâu sắc nó theo đạo của người quân tử, đó là vượt trên mối quan hệ huyết thống mà trải rộng ra xã hội. . Vậy “hiếu đễ” được Khổng tử xem là mốc đầu tiên của lòng nhân, không yêu cha kính

me, chẳng tôn kính anh em của mình thì chẳng thể nào yêu mến người khác được, “là cội rễ của đức hạnh và lòng nhân” [Trần Trọng Hoành 2008: 78]. Nên “Là người con có hiếu ra làm quan đa số là trung thần. Nghịch tử ra làm quan đa số là nghịch thần” [Trần Trọng Sâm 2002: 11]. Chữ hiếu -trọng tình cảm con người với nhau xuyên suốt trong “Luận ngữ”, nó thể hiện sự ảnh hưởng của triết lý văn hoá phương Nam trong tư tưởng của Khổng tử. Làm người dù là bậc quân tử dĩ chẳng luôn lấy phép tắc, giữ đúng luật mà làm nhưng tất cả vẫn không thể qua được chữ “Hiếu” của con đối với mẹ cha. Có chăng là ở bậc quân tử không phải mù quáng nhất nhất tuân theo lời cha mẹ mà phải biết dùng cái trí của mình để can giám, khuyên nhủ mẹ cha trong những điều chưa hợp lẽ.

3.1.2 Tu học

Tu thân là sự học hỏi, học qua kinh sách, qua thực tế, học không ngừng nghỉ. Học hỏi và nghiên cứu với thái độ thành khẩn, chân chính, vui vẻ tiếp đón sự học, lấy chuyện ôn luyện việc học làm niềm vui trong học tập “知之者不如好之者，好之者不如乐之者 -Tri chi giả bất như hảo chi giả, hảo chi giả bất như lạc chi giả” [Ung Dã 18]. Vậy phải yêu mến trước việc học thì mới có thái độ tiếp thu việc học viên mãn. Học với thái độ thực sự cầu thị, ghi nhớ những điều học được, ra sức học chưa đủ mà phải hướng về người khác học hỏi thành tâm. Học cái hay của người bổ cho cái khuyết của mình. Ông nói: “三人行，必有我师焉，择其善者而从之，其不善者而改之 Tam nhân hành, tất hữu ngã sư yên. Trạch kỳ thiện gia nhi tùng chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi” [Thuật Nhi 21]. Hơn thế sự học không nề chấp danh phận sang hèn, chỉ cần người hơn

mình, mình phải sẵn lòng học theo: “敏而好学，不耻下问 -Mẫn nhi hiếu học, bất sỉ hạ vấn”. [Công Dã Trảng 14]. Việc học của bậc “Quân tử” là công việc trau dồi thường xuyên chú ý ôn cố tri tân giống như viên ngọc phải được mài dũa trau truốt mới thành ngọc quý. Cái tiến bộ trong việc định nghĩa chuyện học là, Khổng tử không nề chấp danh phận sang hèn, kẻ bần cùng hay người giàu sang quyền quý nếu yêu thích việc học để sửa đổi mình, để trở thành người có ích cho bản thân, cho xã hội để rèn luyện thành “Quân tử” thì ông đều dốc lòng dạy bảo: “有教无类 - Hữu giáo vô loại” [Vệ Linh Công 38] đưa việc học từ “学在官府 - học tại quan phủ” phổ biến khắp thiên hạ [方洲 (主编) 1998: 513].

Học để tu thân thành “Quân tử” đó phải là đa tài xuất chúng, phải vượt trên kẻ phàm phu tục tử, suy nghĩ và hành động phải nhất nhất tường minh. Phải lấy đạo nghĩa làm căn bản của con người, dựa vào lễ nghi để thực hiện, dùng thái độ khiêm cung để đối xử nhân thế, dùng lòng chân thành để hoàn tất công việc. Tức luôn luôn nghiêm khắc với bản thân mình, Ông nói phải chú trọng “Giới, Úy, Tu”. “Giới” tức luôn sáng suốt để biết tiết chế tham vọng. “Úy” tức xử lý công việc phải xuất phát từ tâm kính trọng và thái độ dút khoát; “Tu” tức thận trọng và luôn yêu cầu nghiêm khắc với bản thân. Sự giao thoa của hai vùng văn hoá nông nghiệp trọng tình cảm phương Nam và trọng cái mạnh, cái lý của văn hoá du mục phương Bắc xuất hiện mạnh ở đây. Có đức nhưng là đức của bậc trí nhân trí dũng, là thấu hiểu bản chất sự vật bằng tri thức, bằng đúng bản chất nó tồn tại.

3.1.3 “Đạo đức”

Tôn kính cha mẹ, sống có lòng nhân con người cần có tu học đạt “đức”, đó là một người lương thiện từ nội tâm đến nhân cách. Nội tâm tu dưỡng chú trọng đạt hoàn mỹ, đủ đầy rồi thể hiện ra lời nói hành động ung dung tự tại, dễ hoà nhập với mọi người và khiến người khác tôn kính, tín nhiệm. Trong thiên Công Dã Trảng, Ông nhấn mạnh đến bốn đức của người quân tử là cung với bản thân, kính với bậc bề trên, khoan với dân và nghĩa với bậc bề tôi “有君子之道四焉。其行己也恭，其事上也敬，其养民也惠，其使民也义-hữu quân tử chi đạo tứ yên, kỳ hành kỷ dã kính, kỳ sự thượng dã kính, kỳ dưỡng dân dã huệ, kỳ sứ dân dã nghĩa”. Ông bảo, tiểu nhân khác hẳn, chỉ chú trọng nói nhiều hơn làm để tạo bề ngoài, chẳng trọng lời nói, ra sức kết bè tạo cánh, tạo tư lợi và lá chắn cho riêng mình: “小人难事而易说也。说之虽不以道，说之；及其使人也，求备焉-Tiểu nhân nan sự nhi dị thuyết dã. Thuyết chi tuy bất dĩ đạo, thuyết dã; cập kỳ sứ nhân dã, cầu bị yên”. [Tứ Lộ 25]. Vậy sức mạnh thực sự của “Quân tử” ở hành động, ở sự trung thành, thành thật, đạo đức chứ không phải của chỉ lời nói suông. Khi trả lời câu hỏi của Tư Mã Ngưu về hình mẫu này, Khổng tử bảo: “君子不忧不惧-Quân tử bất ưu bất cụ” [Nhan Uyên 4] -quân tử không ưu phiền không sợ hãi. Một người luôn tự biết mình, biết kiềm chế hành vi của bản thân mình để cho mọi việc mình làm ra không khiến bản thân áy náy, hối hận về sau thật chẳng dễ dàng chút nào. Để có được phong thái ung dung tự tại của người đạt đạo Khổng tử chỉ ra ba điều: “知者不惑，仁者不忧，勇者不惧 Trí giả bất hoặc, nhân giả bất ưu, dũng giả bất cụ” [Tứ Hãn 30]. Người trí không nghi hoặc, biết dùng đầu óc sáng suốt của mình

để phân định đúng sai, minh triết bản thân trong cảnh nguy nan, loại bỏ ưu phiền tiếp nhận điều hay giữa thế giới đầy những mê lực tồn tại, có làm được như vậy những ưu phiền sẽ không còn, giúp ích rất nhiều để đạt đến hình mẫu quân tử. Người có lòng nhân không lo buồn tức, nội tâm sâu sắc khiến lòng mình luôn nhân nghĩa, tràn đầy tính nhân hậu bao dung để thoát khỏi cảnh vướng bận tâm thường, bon chen thiệt hơn đạt đến “đức” của quân tử. Ý nghĩa thâm diệu mà Khổng tử lý giải “nhân” là “ái nhân” là việc yêu thương giúp đỡ người khác, làm cho người khác cũng đạt được lòng nhân thiện như chính bản thân mình vậy, tức là đã tu thân cho chính bản thân mình rồi: “夫仁者己欲立而立人, 己欲达而达人 Phù nhân gia, kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân” [Ung dã 28]. Vì chính việc phải hướng người khác đạt được sự học “nhân ái” như bản thân, người “Quân tử” luôn chú ý thái độ của mình trong cư xử: “己所不欲, 勿施于人- Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân”. [Nhan Uyên 2]. Kẻ dưng khí không sợ hãi, khi nội tâm vững trãi, trí óc thấu tình đạt lý thì đưa đến sức mạnh khiến cho bản thân tự hiểu biết mà không cảm thấy lo sợ. Khi đưa ra lời dạy trên, Khổng tử muốn nói đến tiêu chuẩn của người quân tử ở ngay thế giới mà anh ta sinh sống, tức hiện trạng xã hội đang dung dưỡng bản thân chứ không ý hướng con người đạt đến sự tu tâm dưỡng đức để thoát ly hay phục vụ cho mục đích cao siêu ở chân trời nào khác -Đó là đạt “đức” vậy. Dưới quan điểm của Ông, tiểu nhân không còn mang ý nghĩa nguyên thủy của nó chỉ hạng người bình thường mà đã thành kẻ xấu của xã hội.

“Tu thân” tức là sự “kiểm trách”, “tự

vấn” bản thân, bản thân hiểu những tác nhân gây nên “ưu”, “hoặc”, “cụ” thì sẽ không có thái độ oán than trách móc trời đất hay cuộc đời mà ngược lại tăng cường năng lực sống mạnh mẽ để đạt đến hạnh phúc, tự tại. Trọng dưng khí, trọng lý lẽ nhưng tất cả phải đặt sau lòng nhân và đạo đức, tư tưởng phương Bắc mạnh mẽ, lý tính đặt sau trọng nghĩa tình của người phương Nam, sự tương tác hoà hợp trong tư tưởng Khổng tử khiến cho đạo của Ông lưu truyền mãi.

3.1.4 Thi – Thư – Lễ - Nhạc

“Quân tử” phải hiểu biết “thi – thư – lễ -nhạc”. “Quân tử” cần có tâm hồn tuy “mưu sự lớn” nhưng thanh thoát, “thong dong” trong cuộc sống tức khởi đầu công việc bằng trau dồi học thi, suy tư vào lễ, dùng nhạc để trau dồi đức hạnh của mình. “兴于诗, 立于礼, 成于乐- Hưng ư thi, lập ư lễ, thành ư nhạc [Thái Bá 8]. Hình mẫu “Quân tử” này nói cụ thể là người được đào tạo toàn diện, từ phẩm hạnh, đức hạnh, tu duy đến lối sống hoàn mỹ, đủ đầy. Ông giảng giải nên chọn quân tử cho thiên hạ là người phải biết lễ, nhạc trước chứ không chọn kẻ ra làm quan rồi mới lo việc lễ, nhạc: “先进于礼乐, 野人也。后进于礼乐, 君子也。如用之, 则吾从先进 -Tiên tiến ư lễ nhạc, dã nhân gia. Hậu tiến ư lễ nhạc, quân tử gia. Như dụng chi, tắc ngô tông Tiên tiến” [Tiên tiến 1]. Ông nhấn mạnh, Lễ là quy tắc trong ứng xử của con người trong xã hội, là đạo đức ảnh hưởng sự tồn vong xã hội, là cái mọi người trong thiên hạ phải noi theo. Trong thiên Tiên tiến, Khổng tử diễn giải làm việc quốc gia phải dùng lễ “为国以礼- Vi quốc dĩ lễ [Tiên tiến 25]. Ông đau xót cho sự suy đồi của giá trị đạo đức đương thời, Ông chủ trương quay về với lễ nhà Chu, chủ trương dùng nhân trị

nên lấy lễ làm thay pháp. “Cái mà xã hội dựa vào để tiết chế là lễ giáo chứ không phải là pháp luật và nó phải được truyền từ đời này sang đời khác. Để bảo vệ lễ giáo, Nho gia chủ trương phải giữ gìn truyền thống. Ông đề xướng “dĩ hòa vi quý”, con người cần đối xử trong cái hài hoà với nhau : “礼之用，和为贵-lễ chi dụng, hòa vi quý” [Hoc Nhi 12]. “Quân tử” luôn tiết chế mình trong lời nói hành động, sống và thực hiện đúng với danh phận của mình, làm cho mình luôn giữ được hoà khí, chẳng ai ghét được mình, oán trách mình, nó thể hiện ở tâm lòng thành, không phải ở vỏ bên ngoài: “君子成人之美，不成人之恶 -Quân tử thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ác” [Nhan Uyên 16] đã thể hiện rõ tư tưởng này. Khổng tử giảng giải thêm, “Quân tử” hành xử nhanh nhẹn dứt khoát “君子欲讷于言而敏于行-Quân tử dục nhệch ngữ nhi mẫn hành” [Lý Nhân 25]; cần có phong thái ôn hoà trong ngôn ngữ, diễn đạt lời nói phải từ tốn, chậm rãi, dùng lời chính chắn không nói sàm ngôn “和而不同 -Hoà như bất đồng” [Tứ lộ 23] ... tức phải đối xử nhau theo lễ giáo. Ông bảo “小人长戚戚 -Tiểu nhân trường thích thích” [Thuật Nhi 36] tức vì không sống thật lòng mình, thường giả dối che đậy không biết gì là lễ giáo nên tiểu nhân thường sống lo lắng, phiền muộn, chỉ chăm lo cái tư lợi trước mắt mà không biết nhìn viễn cảnh, nên không biết đâu là đạo lý con người, hành động và lời nói chỉ theo bản năng, hứa hẹn thật nhiều nhưng không chú ý hoàn tất công việc. Ngược lại “Quân tử” thể hiện rõ khí chất của mình khiến mọi người tin cậy: “言必信，行必果-Ngôn tất tín, hành tất quả” [Tứ Lộ 20]. Thành tâm với chính mình, chín chắn trong hành động nên quân tử có thể an nhiên hoà hợp với mọi

người, còn tiểu nhân vì chăm lo tư lợi, vụ lợi nên chẳng thể dung hoà cùng ai thật tâm “君子周而不比，小人比而不周-Quân tử châu nhi bất tỉ, tiểu nhân tỉ như bất châu” [Vi chính 14]. Điểm này yếu tố trọng lý của văn hóa phương Bắc và trọng tình cảm phương Nam hoà lẫn vào nhau, con người phải hiểu biết lễ nghi để đối xử đúng theo quy tắc. “Quân tử” tu thân ngoài hiếu đễ, đức hạnh, lễ tiết cũng không cần chăm chú đời sống vật chất thái quá, tức cái vỏ bề ngoài, cái đủ đầy xa hoa, cái cần nhất là thân tâm trong sạch thanh cao, không mưu cầu nhà cao cửa rộng: “君子食无求饱，居无求安-Quân tử thực vô cầu bão, cư vô cầu an” [Hoc nhi 14]. Ngược lại tiểu nhân thì chăm lo cho nhà cửa điền sản, đời sống vật chất tư lợi “小人怀土 -tiểu nhân hoài thổ” [Lý nhân 11], luôn chú ý đến cái gì đem lại cái lợi riêng cho mình “小人喻于利 -tiểu nhân dụ lợi” [Lý nhân 16]. Nói như vậy không có nghĩa Ông phủ nhận việc quân tử phải khước từ hay không màng lợi lộc của cuộc sống. Thuyết của Ông không giống như thuyết nhà Phật, trong khi nhà Phật chú trọng tu thân bằng “Bát chánh đạo” và không màng danh lợi của cuộc đời mà chí hướng là xuất thế khỏi cuộc đời đạt đến cõi vĩnh hằng Niết Bàn, Khổng tử bàn đến lợi danh nhưng đó phải là lợi chính đáng, chính nghĩa, biết đặt công lợi lên trên tư lợi: “因民之所利而利之-Nhân dân chi sở lợi nhi lợi chi” [Nghieu viết 2]. Đặt cái lợi của dân lên trên của mình tức hiểu biết cái đến cái nghĩa trước rồi đến tư lợi của mình sau: “君子喻于义，小人喻于利 -Quân tử dụ nghĩa, tiểu nhân dụ lợi” [Lý nhân 16]. Vì vậy Ông tỏ ra khinh khi những kẻ bất chấp đạo lý, phi đạo mà trở nên giàu có: “不义而富且贵，于我如浮云- Bất nghĩa nhi phú thả quý, vu ngã như phù vân” [Thuật nhi 15].

Không chỉ có học và tu thân giữ gìn đạo lý, cái diệu lý cao siêu là biến điều học và tu dưỡng này thành lẽ sống để dẫn thân vào xã hội. Biến những điều đã đạt được thành kỹ năng đem lại điều tốt lành cho bản thân và người khác, giúp con người hướng thiện. Hơn thế những điều này là quá trình tự tu học, xuất phát từ xuất thân, địa vị đang có, chân thật với chính bản thân mình trong quá trình học hỏi “知之為知之，不知為不知，是知也-Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri” [Vi Chính 2] khuyến khích người học đạo học trong bất kỳ hoàn cảnh nào, như thế mới chính là sự tu thân vững chắc.

3.2 Hành đạo

天下興亡，匹夫有責 -Thiên hạ hưng vong, thất phu hữu trách: Tu thân đạt đạo không thì chưa phải là “Quân tử” chân chính, trọn vẹn, phải đem cái sự học tu dưỡng ấy bước vào thiên hạ, dẫn thân phần đầu và đạt được nguyện vọng mới là tiêu chuẩn thứ hai của “Quân tử”. Chủ thuyết đề cao đạo đức, lễ giáo, tri thức nên lòng nhân ái bao trùm hệ tư tưởng Nho gia, đây cũng là tiêu chí để dẫn thân của “Quân tử”.

3.2.1 Chữ “Nhân”

Trong thiên Hiến Vấn, Ông nhấn mạnh: “士而懷居，不足以為士矣- Sĩ nhi hoài cư, bất túc dĩ vi sĩ hĩ”, tức “Quân tử” không thể chỉ tu thân để đạt đạo cho chính con người mình, chỉ khiến tâm hồn riêng thanh thoi, an hưởng ngày tháng của riêng mình, lo nghĩ cho chỉ bản thân gia đình mình, nếu như thế thì đạo “Quân tử” chưa thể đạt đến. Hay nói như Mạnh tử cái thể hiện thành “Quân tử là trong lúc thái bình hay loạn lạc lòng vẫn luôn nghĩ về những điều có lợi nhất cho dân, làm những điều nhân đức nhất

cho dân [Tận tâm thượng]. Tức phải lo trước cái lo của thiên hạ mà phải vui sau cái vui của thiên hạ. Từ “Nhân” xuất hiện đến 109 lần”, nó được hiểu theo hai nghĩa là nhân “人” chỉ cá thể hay người khác nói chung và nhân là lòng nhân ái bao dung “仁” giữa con người với nhau trong xã hội. Vậy “Quân tử” tức mang ý nghĩa nhân thứ hai. Lo cho dân là trước tiên bản thân thể hiện tấm gương để họ học hỏi noi theo, chăm chú cho dân không mệt mỏi trước mới yêu cầu họ tin cậy mình, hơn thế phải biết động viên dân trong công việc: “先之，勞之-Tiên chi, lao chi”... 无倦 -Vô quyện” [Tứ lộ 1]. Thái độ thành tâm không mệt mỏi: “居之无倦，行之以忠- Cư chi vô quyện, hành chi dĩ trung” [Nhan uyên 14], rồi dạy cho họ hiểu biết kẻ mới dùng, khiến cho họ hiểu cái điều lợi mà làm, giữ lấy điều nhân đó là lòng nhân của bậc quân tử. Ngay cả trong dùng binh cũng như vậy, phải huấn luyện trước mới cho họ ra trận: “善人教民七年，亦可以戒戎矣-Thiện nhân giáo dân thất niên, diệc khả dĩ giới hung hĩ” [Tứ lộ 29] ngược lại chính là hại dân, là mất lòng tin nơi dân chúng: “以不教民战，是谓弃之- Dĩ bất giáo dân chiến, thị vị khí chi”. Lòng nhân trị thể hiện rõ trong lần nói chuyện giữa Ông và Tử Cống về đạo trị dân cần có “足食，足兵，民信之矣-túc thực, túc binh, dân tín chi hĩ” [Nhan uyên 7]. Phải có lương thực cho dân chúng đầy đủ, không vì cái thiếu thốn mà sinh ra cái xấu điều ác thì xã tắc mới yên ổn. Đủ ăn mặc ấm rồi thì chăm lo củng cố và phát triển quân đội để bảo vệ biên cương lãnh thổ, và nhất nhất cần có niềm tin của dân chúng đối với nhà cầm quyền. Nếu phải chọn lựa để gạt bỏ đi yếu tố nào thì đó là quân đội, lương thực, còn niềm tin của dân là yếu tố then chốt, phải

giữ cẩn trọng. Chữ nhân ái ở đây thể hiện rõ nét nhất, nếu không đối với dân tốt thì không thể có người tin theo mình, dù có tức thực hùng binh thì không đủ để giữ nước lâu dài, tức trước hết mình phải thu phục lòng dân, dùng lòng thành tâm, chăm lo điều tốt cho dân như cho chính bản thân mình vậy. Trong tác phẩm “Tam Quốc Chí điển nghĩa” người dân theo Lưu Bị phần nhiều vì mến trọng đức độ và lòng nhân của ông, Khổng Minh ra sức giúp nhà Thục cũng chính vì yếu tố này. Khổng tử chủ trương cất nhắc người tài, không xét theo tông tộc, chú trọng cái đạo đức để tin dùng làm gương để uốn nắn kẻ xấu, tức lòng nhân đối với con người: “举直错诸枉, 能使枉者直 - Cử trực thố chư uổng, năng sử uổng giả trực” [Nhan Uyên 22]. Theo đó để có lòng nhân ái cần chú ý đạt được năm điều tốt đẹp và loại bỏ bốn điều xấu xa. Năm điều tốt đẹp là “惠而不费 - huệ nhi bất phí” ban phát ân huệ cho dân mà chẳng gây ra hao tổn, “劳而不怨 - lao nhi bất oán” sai khiến dân làm việc mà họ không oán ghét, “欲而不贪 - dục nhi bất tham” yêu thích nhưng không tham lam, “泰而不骄 - thái nhi bất kiêu” đáng vẻ thư thái không kiêu căng, “威而不猛 - uy nhi bất mãnh”, oai nghiêm mà không hung dữ³. Bốn điều xấu là “不教而杀谓之虐 - bất giáo nhi sát vị chi ngược” không giáo huấn dân khiến dân phạm tội rồi giết là tàn ngược, “不戒视成谓之暴 - bất giới thị thành vị chi bạo” không răn bảo dạy dỗ trước mà muốn có thành tích là hung bạo, “慢令致期谓之贼 - mạn lệnh trí kỳ vị chi tặc” khi ban lệnh không bảo cấp bách mà đòi dân phải thực hiện nhanh, “犹之与人也, 出纳之吝, 谓之有司 - do chi dữ nhân dã, xuất nạp chi lận vị chi ữu tư” ban cho dân mà so đo thiệt hơn

với dân là thói nhỏ nhen⁴. Tư tưởng chăm lo cho dân luôn thường trực trong tác phẩm của các Nho gia, chú trọng vào trách nhiệm đối với xã hội, nó khác nghĩa nhân của người phương Tây chú trọng vào quyền lợi của bản thân mình trước.

3.2.2 Chính danh

Trong lần Tử lộ tham vấn về việc phải làm trước tiên trong chính sự, Khổng tử bảo “必也正名乎 - tất dã chính danh hồ” [Tử lộ 3] tức bản thân phải chính danh. Danh chính ngôn mới thuận, quân tử có thể khiến lời nói hành động của mình đúng với bản chất sự vật, khiến lòng người tin theo. Xã hội phân định thứ bậc rõ ràng, mỗi người phải sống đúng chức danh và địa vị mình đang đứng, thứ bậc rõ ràng thì mọi người giữ theo đó mà thực hiện, xã hội theo đó mà an thịnh, vậy vua ra vua, bề tôi ra bề tôi, cha ra cha, con ra con “君君, 臣臣, 父父, 子子 - Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử” [Nhan uyên 11]. Theo đó xử trí công việc trên cương vị mình có

3. Kết luận

Học thuyết Nho gia luôn đề cao giá trị đạo đức con người, nó là nền tảng tư tưởng chính thống mấy ngàn năm phong kiến Trung Hoa, mang đậm nét giao thoa và tương tác của hai luồng tư tưởng trọng tình cảm của người phương Nam và trọng sức mạnh, lý trí của người phương Bắc. Quan điểm “Quân tử” trong “Luận ngữ” vẫn có ảnh hưởng lớn đến hôm nay không chỉ ở Trung Hoa mà còn ở nhiều khu vực khác ở Châu Á, chính bởi nó đáp ứng được nhu cầu thực nhất của con người: tình người, đạo lý con người, xã hội của người tốt, trọng cái đẹp của cuộc sống. Vì phải dung nạp cho học thuyết mình như thế,

³ Dẫn theo ý Đoàn Trung Còn 1995: 313

⁴ Dẫn theo ý Nguyễn Hiến lễ 1995: 325 - 326 10

phải chăng trong con người Khổng tử luôn thường trực sự “mâu thuẫn” giữa tình cảm và lý trí, đúng chăng chính sự mâu thuẫn này mới khiến học thuyết của Ông không rơi vào trạng thái cực đoan nào, hoặc quá cứng nhắc hoặc quá mềm yếu, phải chăng chính vì thế mà hình tượng “Quân tử” trở nên sống động và chân thật hơn, dễ được mọi người chấp nhận và thực hiện theo quan niệm “Quân tử” xưa kia đã có những điểm không còn phù hợp cuộc sống hiện tại. Chữ “trung hiếu” không còn là trung hiếu với vua mà là trung hiếu với đất nước, là đặt lợi ích quốc gia lên trên hết. Sự học cũng không chỉ gói gọn trong kiến thức sách vở, học kinh điển văn thơ mà là học khoa học kỹ thuật... Tuy vậy những giá trị nhân văn của quan niệm “Quân tử” xưa kia vẫn mang tác dụng tích cực đối với xã hội, nó giúp định hình tác phong chuẩn mực, tạo ra những con người có đạo đức, tài năng mà bất cứ loại hình xã hội nào cũng cần đến. Triết lý của người phương Đông “có sinh có diệt” không học thuyết nào trường tồn mãi. Đạo Nho đã tồn tại hơn 2500 năm, thịnh suy từng lúc ở những quốc gia phương Đông khác nhau, ngay tại Trung Quốc đã có thời kỳ nó bị lên án gay gắt, bị xem như tàn dư của chế độ phong kiến, nhưng “vấn đề” của cuộc sống thế giới hiện đại đã buộc con người tìm lại những giá trị tích cực của nó, có thể áp dụng nó trong thời đại ngày nay, đóng góp cho sự hưng thịnh phát triển xã hội.

Tài liệu tham khảo

- Dương Lực (tiếng Trung Quốc), Trần Thị Thanh Liêm (chủ tịch hội đồng dịch thuật) 2002: *Kinh điển văn hoá Trung Hoa 5000 năm, tập 2, tập 4*. - NXB Văn hóa thông tin.

- Đoàn Trung Còn 1995: *Tứ thư – Luận ngữ*. NXB Thuận hoá - Huế.

- Đoàn Trung Còn 1996: *Truyện Đức Khổng tử*. NXB Văn hoá thông tin.

- Giản Chi, Nguyễn Hiến Lê 2004: *Đại cương triết học Trung Quốc*. - NXB Thanh niên.

- Hà Thúc Minh (biên khảo, dịch thuật) 2000: *Nghiên cứu lịch sử tư tưởng Trung Quốc*. NXB Tp.HCM.

- Hồ Sỹ Hiệp (dịch); Trần Kiệt Hùng (hiệu đính) 1995: *Luận ngữ: Thánh kinh của người Trung Hoa*. - NXB Đồng Nai.

- Nguyễn Hiến Lê 1995: *Luận ngữ*. - NXB Văn học.

- Phạm Văn Khoái 2004: *Khổng Phu Tử và Luận Ngữ*. H.: NXB Chính trị quốc gia.

- Trần Ngọc Thêm 1996/2004: *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam* (in lần thứ 4). - NXB Tp.HCM.

- Trần Trọng Sâm (biên dịch) 2002: *Luận ngữ - viên ngọc quý trong kho tàng văn hóa phương Đông*. - NXB Văn hoá thông tin.

- N.I Konrad 2007: *Phương đông học*. Trung tâm nghiên cứu quốc học. - NXB Văn học.

方洲 (主编) 1998 青年必读书手册, 中国青年出版社, 北京 (Phương Châu (chủ biên). Thanh niên tất đọc thư thủ sách, Trung Quốc Thanh niên xuất bản xã, Bắc Kinh).

<http://bbs.zjol.com.cn/archiver/tid-3058115.html>. 中国的理想人生

<http://bbs.cnhubei.com/thread-1904304-1-1.html>. 论语全文

http://vip.book.sina.com.cn/book/index_41283.html